

CHÍNH SÁCH DỊCH VỤ VIỆC LÀM CÔNG CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG Ở HÀ TỈNH: THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

Thái Thị Kim Oanh

Trường Đại học Vinh

Email: thaithikimoanhkt@gmail.com

Đào Quang Thắng

Trường Đại học Vinh

Email: daoquangthangdhv@gmail.com

Ngày nhận: 24/12/2016

Ngày nhận bản sửa: 28/1/2017

Ngày duyệt đăng: 25/2/2017

Tóm tắt:

Bài viết này nghiên cứu thực trạng và giải pháp về chính sách dịch vụ việc làm công cho người lao động ở Hà Tĩnh trên cơ sở khung lý thuyết về chính sách dịch vụ việc làm công ở cấp độ địa phương. Theo đó, nghiên cứu sẽ tiếp cận hệ thống các chính sách dịch vụ việc làm công trên cơ sở các chính sách kết nối cung cầu lao động. Giải pháp chính sách dịch vụ việc làm công cho tỉnh Hà Tĩnh là phải giải quyết được sự mâu thuẫn giữa lựa chọn các hoạt động cung cấp dịch vụ: dịch vụ công bằng hay hiệu quả; đảm bảo việc làm cho những lao động thất nghiệp dài hạn hay cho những lao động mới gia nhập thị trường lao động; tập trung vào những nhóm lao động yếu thế hay cung cấp dịch vụ cho tất cả mọi người lao động; cung cấp dịch vụ trực tiếp hay có thể thuê ngoài; chính sách cạnh tranh hay hợp tác với các tổ chức cung cấp dịch vụ việc làm tư nhân.

Từ khóa: dịch vụ việc làm công; chính sách dịch vụ việc làm công; chính sách dịch vụ việc làm công cho người lao động ở Hà Tĩnh.

Public employment service policy in Ha Tinh province: Situation and solutions

Abstract

This paper studies the current situation of public employment service policy for workers in Ha Tinh, and provides solutions, based on the theoretical framework for public employment service policy at the local level. Accordingly, the study approaches the system of public employment services policies based on policies connecting labor supply and labor demand. The solution for Ha Tinh is to resolve the conflicts when selecting service delivery activities: equality or efficiency; employment for long-term unemployed workers or new workers of the labor market; focusing on vulnerable groups or providing services to all workers; direct service or outsource; competition or cooperation with private employment service providers.

Keywords: public employment service; public employment service policy; public employment service policy for workers in Ha Tinh.

1. Đặt vấn đề

Dịch vụ việc làm công do nhà nước cung cấp hoặc các tổ chức cộng đồng cung cấp. Dịch vụ việc làm công đóng một vai trò bao quát trong việc bảo đảm việc làm và tạo việc làm tại địa phương. Dịch vụ việc làm này có chức năng cơ bản: (1) cung cấp thông tin tốt về thị trường lao động; (2) hỗ trợ tìm việc làm và cung cấp dịch vụ về vị trí việc làm; (3) quản lý quyền lợi bảo hiểm thất nghiệp; (4) quản lý các chương trình liên quan đến thị trường lao động. Chính vì vậy dịch vụ việc làm công có ý nghĩa to lớn trong việc thúc đẩy sự bình đẳng trong tiếp cận thị trường lao động và bảo vệ những người yếu thế (Phan Thuy & cộng sự, 2001).

Chính sách dịch vụ việc làm là một trong những chính sách giúp người lao động vượt qua những rào cản trên thị trường lao động để tiếp cận việc làm – đó là rào cản thông tin (OECD, 2000). Mục tiêu là phát triển dịch vụ và tăng cường cơ hội để người lao động tiếp cận thông tin về việc làm, lựa chọn công việc. Là một bộ phận của chính sách việc làm, chính sách dịch vụ việc làm được hoạch định để tạo ra những dịch vụ trung gian giữa người lao động và doanh nghiệp. Trong giai đoạn khủng hoảng kinh tế, chính sách dịch vụ việc làm yếu tố trung tâm của chính sách việc làm.

Chính sách đối với dịch vụ việc làm công ở các quốc gia/địa phương luôn phải giải quyết sự mâu thuẫn giữa lựa chọn các hoạt động cung cấp dịch vụ: dịch vụ công bằng hay hiệu quả; đảm bảo việc làm cho những lao động thất nghiệp dài hạn hay cho những lao động mới gia nhập thị trường lao động; tập trung vào những nhóm lao động yếu thế hay cung cấp dịch vụ cho tất cả mọi người lao động; cung cấp dịch vụ trực tiếp hay có thể thuê ngoài; chính sách cạnh tranh hay hợp tác với các tổ chức cung cấp dịch vụ việc làm tư nhân; phát triển các tổ chức dịch vụ việc làm công theo hướng doanh nghiệp hay phát triển theo hướng tổ chức cung cấp dịch vụ triển khai chính sách công.

Nhiều nghiên cứu hiện nay còn đề cập đến sự lựa chọn giữa hai phương án chính sách là (1) chính sách cung cấp dịch vụ việc làm tại trụ sở của các tổ chức dịch vụ việc làm công; hay (2) chính sách tự cung cấp dịch vụ, chính sách này dựa vào sự phát triển của công nghệ thông tin, theo đó, sự phát triển của công nghệ thông tin làm cho thông tin trên thị trường lao động rõ ràng, minh bạch. Người lao động có thể dựa trên các phương tiện thông tin như mạng

internet, điện thoại công cộng, bảng thông báo điện tử nơi công cộng... như là một phương tiện thay thế vai trò môi giới việc làm của các trung tâm giới thiệu việc làm. Chính quyền địa phương thay vì thành lập các tổ chức dịch vụ việc làm công sẽ phát triển các phương tiện thông tin miễn phí để hỗ trợ người lao động tìm việc làm (Phan Thuy & cộng sự, 2001). Vì vậy, chính quyền địa phương cần dựa vào nhu cầu của người lao động, bối cảnh kinh tế xã hội cũng như các quy định chính sách của trung ương để xây dựng chính sách dịch vụ việc làm công một cách hợp lý.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Cách tiếp cận và khung nghiên cứu

2.1.1. Cách tiếp cận nghiên cứu

Khi nghiên cứu chính sách dịch vụ việc làm công, tác giả vận dụng quan điểm hệ thống và cách tiếp cận phân tích hệ thống để nghiên cứu hệ thống chính sách dịch vụ việc làm công hiện hành của tỉnh Hà Tĩnh cũng như phân tích hệ thống các yếu tố ảnh hưởng đến chính sách như các yếu tố thuộc về chính quyền địa phương, yếu tố thuộc môi trường chính quyền địa phương. Tác giả cũng vận dụng quan điểm vi mô khi phân tích chính sách dịch vụ việc làm công thông qua phân tích cụ thể các nội dung cơ bản của một chính sách việc làm như: Căn cứ và mục tiêu của chính sách; Quan điểm của chính sách; Chủ thể và đối tượng chính sách; Các giải pháp và công cụ chính sách. Để hoàn thiện chính sách, nghiên cứu tiếp cận hệ thống các tiêu chí đánh giá chính sách việc làm, đề cập đến các mục tiêu khác nhau của chính sách này. Quan điểm này cũng được vận dụng khi điều tra đối tượng hưởng lợi của chính sách việc làm, những cán bộ hoạch định và thực thi chính sách dịch vụ việc làm công.

2.1.2. Khung nghiên cứu

Để nghiên cứu chính sách dịch vụ việc làm công cho người lao động của tỉnh Hà Tĩnh, nghiên cứu tiếp cận hệ thống các chính sách việc làm trên cơ sở các chính sách kết nối cung cầu lao động.

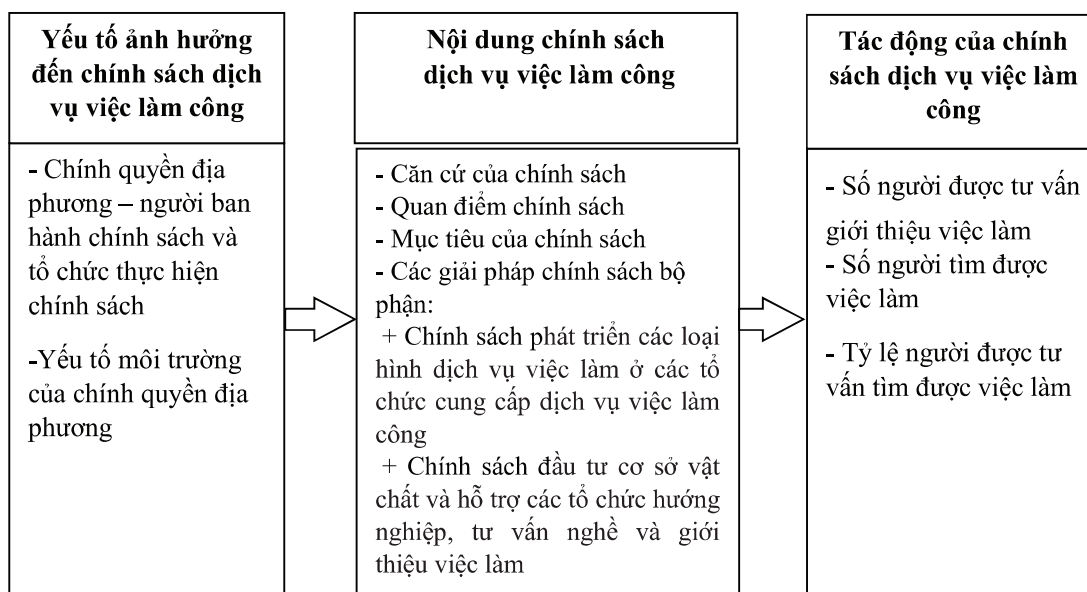
Khung nghiên cứu được thể hiện tại hình 1.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Để đạt được các mục tiêu nghiên cứu, tác giả sử dụng các phương pháp sau đây:

- Sử dụng phương pháp phân tích hệ thống để xác định các chính sách bộ phận của hệ thống các chính sách dịch vụ việc làm công, phân tích chính sách cũng như đề xuất hệ thống các giải pháp hoàn thiện

Hình 1: Khung nghiên cứu về chính sách dịch vụ việc làm công ở cấp độ địa phương



Nguồn: Nghiên cứu của tác giả

chính sách dịch vụ việc làm công;

- Phương pháp thu thập số liệu thứ cấp được sử dụng trong nghiên cứu để tổng hợp các số liệu về thực trạng lao động việc làm tại tỉnh Hà Tĩnh;

- Nghiên cứu cũng sử dụng phương pháp phỏng vấn lấy ý kiến chuyên gia, khảo sát điều tra bằng bảng hỏi, phương pháp tình huống, phỏng vấn sâu về thực trạng chính sách, triển khai chính sách và kết quả của chính sách. Đối tượng điều tra là 20 chuyên gia, 200 người lao động, 50 cán bộ quản lý về lao động việc làm của ủy ban nhân dân tỉnh và huyện, 50 doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh. Nội dung điều tra lao động việc làm, ý kiến về chính sách dịch vụ việc làm công và những đề xuất về chính sách dịch vụ việc làm công. Thời gian điều tra từ tháng 3 đến tháng 5 năm 2016;

- Sử dụng phương pháp thống kê mô tả; phương pháp phân tích trung bình và độ lệch chuẩn. Sử dụng phương pháp so sánh để phân tích xu hướng lao động việc làm của Tỉnh Hà Tĩnh qua các năm, so sánh các kết quả thực thi chính sách việc làm, so sánh tình trạng việc làm hàng năm trên địa bàn Tỉnh.

3. Phân tích và đánh giá thực trạng chính sách dịch vụ việc làm công ở tỉnh Hà Tĩnh

3.1. Các yếu tố ảnh hưởng đến chính sách dịch vụ việc làm công ở Hà Tĩnh

Chính sách dịch vụ việc làm công ở cấp địa phương luôn chịu sự tác động to lớn của các yếu tố cả từ bên trong lẫn bên ngoài, tác động một cách

trực tiếp hoặc gián tiếp. Do đó, khi phân tích thực trạng chính sách dịch vụ việc làm công ở Hà Tĩnh cần xem xét các yếu tố này để có cái nhìn toàn diện về quá trình chính sách dịch vụ việc làm công ở tỉnh Hà Tĩnh.

3.1.1. Các yếu tố thuộc chính quyền địa phương

Nhóm yếu tố đầu tiên ảnh hưởng đến chính sách dịch vụ việc làm công ở tỉnh Hà Tĩnh đó là nhóm yếu tố thuộc bản thân chính quyền tỉnh Hà Tĩnh, thể hiện ở sự quyết tâm của lãnh đạo tỉnh về giải quyết việc làm; Quy hoạch phát triển kinh tế xã hội địa phương; Quá trình hoạch định và tổ chức thực thi chính sách việc làm của chính quyền tỉnh; Năng lực tài chính của tỉnh. Thực tế cho thấy, các yếu tố này đã ảnh hưởng mạnh mẽ đến hiệu lực và hiệu quả của chính sách dịch vụ việc làm công thông qua việc chính quyền tỉnh ban hành khá nhiều văn bản liên quan đến vấn đề dịch vụ việc làm công như Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh (2013b); Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh (2013c); Ủy ban nhân dân Tỉnh Hà Tĩnh (2014); Tỉnh cũng đã xây dựng và ban hành Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2011 – 2015 theo quy định của Thủ tướng Chính phủ (2012) để làm căn cứ cho hoạch định chính sách dịch vụ việc làm công, nhờ đó chính sách dịch vụ việc làm công đã có nhiều bước tiến so với thời kỳ trước.

3.1.2. Các yếu tố thuộc môi trường của chính quyền địa phương

Môi trường của chính quyền địa phương tỉnh Hà Tĩnh có ảnh hưởng lớn đến chính sách dịch vụ việc làm công ở tỉnh như đặc điểm của lao động tỉnh Hà Tĩnh; Sự phát triển kinh tế của các địa phương lân cận như tỉnh Nghệ An và Quảng Bình; Chiến lược và chính sách việc làm quốc gia; Sự phi tập trung hóa trong ban hành chính sách việc làm; Sự hỗ trợ và phối hợp của các tổ chức có liên quan; Các điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội của tỉnh Hà Tĩnh.

3.2. Thực trạng chính sách dịch vụ việc làm công ở tỉnh Hà Tĩnh

3.2.1. Chính sách phát triển các loại hình dịch vụ việc làm ở các tổ chức cung cấp dịch vụ việc làm công

Các dịch vụ việc làm công chủ yếu hiện nay được quy định rải rác ở trong một số chính sách về việc làm của Tỉnh như: Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh (2013c) có đề cập đến các loại hình dịch vụ như ngày hội việc làm, điểm tư vấn việc làm, dạy nghề. Các dịch vụ này tạo cơ hội cho người sử dụng lao động, người lao động có điều kiện tiếp xúc trao đổi thông tin, phỏng vấn tuyển chọn lao động, tư vấn việc làm trong nước, tư vấn xuất khẩu lao động ngay tại địa bàn của xã, phường, thị trấn. Các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh có nhu cầu tuyển dụng lao động, các doanh nghiệp có chức năng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, trung tâm giới thiệu việc làm, doanh nghiệp hoạt động giới thiệu việc làm, các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức đoàn thể, các cơ sở dạy nghề, người lao động có nhu cầu tìm việc làm hoặc học nghề.

Ủy ban Nhân dân Tỉnh Hà Tĩnh (2014) quy định các hoạt động dịch vụ việc làm của Trung tâm như sau: (1) Hoạt động tư vấn, bao gồm: a) Tư vấn học nghề, tư vấn du học cho học sinh, người lao động về lựa chọn nghề, trình độ đào tạo, nơi học phù hợp với khả năng và nguyện vọng; b) Tư vấn việc làm cho người lao động về lựa chọn công việc phù hợp với khả năng và nguyện vọng; về kỹ năng thi tuyển; về tự tạo việc làm, tìm việc làm trong nước và ngoài nước; c) Tư vấn cho người sử dụng lao động về tuyển dụng lao động; về quản trị và phát triển nguồn nhân lực; về sử dụng lao động và phát triển việc làm; d) Tư vấn về chính sách, pháp luật lao động cho người lao động, người sử dụng lao động; (2) Giới thiệu việc làm cho người lao động, cung ứng và tuyển lao động theo yêu cầu của người sử dụng lao động, bao gồm: a) Giới thiệu người lao động cần tìm việc làm với người sử dụng lao động cần tuyển lao động; b) Cung

ứng lao động theo yêu cầu của người sử dụng lao động; c) Tuyển lao động thông qua thi tuyển để lựa chọn những người đủ điều kiện, đáp ứng yêu cầu của người sử dụng lao động; d) Giới thiệu, cung ứng lao động cho các đơn vị, doanh nghiệp được cấp phép đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

Ngoài ra, theo quy định, các trung tâm giới thiệu việc làm có các hoạt động như tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực tìm kiếm việc làm và đào tạo kỹ năng, dạy ngoại ngữ, đào tạo nghề, dạy nghề khác theo quy định của pháp luật; hỗ trợ người lao động trong trường hợp chuyển từ nghề này sang nghề khác, di chuyển từ địa phương này sang địa phương khác, di chuyển ra nước ngoài làm việc và các hỗ trợ khác theo quy định của pháp luật. Một số các dịch vụ hỗ trợ trong triển khai chính sách khác như tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về lao động, việc làm; thực hiện các chương trình, dự án về việc làm; thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật; thực hiện các dịch vụ khác theo quy định của pháp luật; thu thập, phân tích, dự báo và cung ứng thông tin thị trường lao động.

Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh (2013c) quy định các dịch vụ hướng nghiệp mà các trung tâm có thể thực hiện song song với các hoạt động dạy nghề, bao gồm: tư vấn nghề nghiệp, việc làm, chọn ngành nghề, tư vấn phân luồng cho học sinh sau các cấp học. Các hoạt động này theo quy định sẽ được ngân sách nhà nước cấp tùy theo quy mô hoạt động và gắn với tính chủ động của trung tâm.

Điều tra khảo sát được tiến hành với các đối tượng được khảo sát là doanh nghiệp/tổ chức cung cấp dịch vụ việc làm (Ký hiệu A - 50 đối tượng); Cán bộ quản lý (Ký hiệu B - 50 người); Chuyên gia (Ký hiệu C - 20 người) và Người lao động (Ký hiệu D - 200 người). Kết quả điều tra dịch vụ việc làm công ở Hà Tĩnh được trình bày tại Bảng 1.

Theo kết quả điều tra, chính sách về dịch vụ việc làm công đạt được là đã tạo điều kiện cho các tổ chức cung cấp dịch vụ đa dạng hóa dịch vụ việc làm công (điểm số là 4,28). Chính sách đã chú trọng đến các nhóm yếu thế trong tiếp cận dịch vụ (điểm là 4,28). Tuy nhiên, các dịch vụ việc làm chưa thực sự phù hợp với yêu cầu của người lao động, vì vậy, nhân định “người lao động đã có thể lựa chọn nhiều loại hình dịch vụ phù hợp với yêu cầu” được đánh giá 3,35 điểm. Bên cạnh đó, người lao động vẫn

Bảng 1: Kết quả điều tra dịch vụ việc làm công

Tiêu chí	Số quan sát				Bình quân				Bình quân chung	Độ lệch chuẩn			
	A	B	C	D	A	B	C	D		A	B	C	D
Chính sách tạo điều kiện phát triển đa dạng hóa nhiều loại hình dịch vụ việc làm	50	50	20	198	4,2	4,5	4,3	4,1	4,28	0,82	0,77	0,89	0,88
Người lao động đã có thể lựa chọn nhiều loại hình dịch vụ phù hợp với yêu cầu	50	50	20	197	4,1	3,2	3,2	2,9	3,35	0,87	0,89	0,88	0,97
Chính sách đã tạo điều kiện, hỗ trợ người lao động tự sử dụng dịch vụ qua các phương tiện thông tin công cộng	50	50	20	199	2,0	1,5	1,6	1,2	1,58	0,81	0,89	0,89	0,98
Chính sách đã chú trọng đến các nhóm yếu thế trong tiếp cận dịch vụ	50	50	20	199	4,5	4,2	4,3	4,1	4,28	0,96	0,91	0,97	0,86
Đã có những quy định đầy đủ về phối kết hợp giữa các trung tâm với các tổ chức khác trong cung cấp dịch vụ việc làm	50	50	20	199	3,1	2,9	3,0	2,8	2,95	0,88	0,88	0,87	0,88

Nguồn: Đào Quang Thắng (2016)

phải phụ thuộc vào các trung tâm dịch vụ việc làm công, chưa có các phương tiện thông tin công cộng để người lao động tự cung cấp dịch vụ (điểm số là 1.58). Các quy định đầy đủ về phối kết hợp giữa các trung tâm với các tổ chức khác trong cung cấp dịch vụ việc làm công chưa được đánh giá cao (điểm số 2.95), đặc biệt là chính sách đảm bảo sự phối hợp giữa các trung tâm giới thiệu việc làm, giữa các trung tâm và doanh nghiệp, người lao động trong cung cấp thông tin về thị trường lao động, do vậy thông tin về thị trường lao động chưa có kết nối giữa các vùng, địa phương.

3.2.2. Chính sách đầu tư cơ sở vật chất và hỗ trợ các tổ chức hướng nghiệp, tư vấn nghề và giới thiệu việc làm

Về đầu tư cho các trung tâm giới thiệu việc làm, Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh (2013c) đã đặt mục tiêu cụ thể là chuẩn hóa hoạt động sàn giao dịch việc làm trở thành hoạt động hàng tuần tại Trung tâm Giới thiệu việc làm Hà Tĩnh và Sàn giao dịch việc làm Khu Kinh tế Vũng Áng. Nhiệm vụ của các sàn

giao dịch việc làm là giải quyết việc làm trong nước mỗi năm 3000 người, cung ứng xuất khẩu lao động mỗi năm 1500 người. Chính sách quy định đầu tư hoàn thiện cơ sở vật chất của Trung tâm Giới thiệu việc làm Hà Tĩnh và Sàn giao dịch việc làm Khu Kinh tế Vũng Áng; mua sắm trang thiết bị của sàn giao dịch việc làm và điểm sàn vệ tinh.

Tổng kinh phí đầu tư cho trung tâm giới thiệu việc làm trong giai đoạn 2011 – 2015 là 38,540 tỷ VND, trong đó ngân sách trung ương là 29,440 tỷ VND, ngân sách địa phương là 9,1 tỷ VND. Tỷ lệ ngân sách địa phương chiếm 23,61%. Tuy nhiên, có thể thấy ngân sách đầu tư cho các trung tâm giới thiệu việc làm công ngày càng giảm cùng với xu thế tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công.

Chính sách hỗ trợ các tổ chức hướng nghiệp, tư vấn nghề và giới thiệu việc làm được Ủy ban Nhân dân tỉnh Hà Tĩnh (2011) ban hành. Để cụ thể hóa các nội dung hoạt động của quỹ hỗ trợ dạy nghề và việc làm tỉnh Hà Tĩnh, Ủy ban Nhân dân Tỉnh Hà Tĩnh (2013a) đã bổ sung quy định Tỉnh sẽ hỗ trợ

Bảng 2: Đầu tư cho các trung tâm giới thiệu việc làm

Chỉ tiêu	2011	2012	2013	2014	2015	Thực hiện giai đoạn 2011-2015
Tổng ngân sách (triệu VND)	7.500	10.040	12.000	4.000	5.000	38.540
Ngân sách địa phương (triệu VND)	3.000	2.100	2.000	1.000	1.000	9,100
Ngân sách trung ương (triệu VND)	4.500	7.940	10.000	3000	4.000	29.440
Tỷ lệ ngân sách địa phương (%)	40.00%	20.92%	16.67%	25.00%	20.00%	23.61%

Nguồn: Sở Lao động - Thương binh xã hội Hà Tĩnh, 2015

các đơn vị của Nhà nước có chức năng làm công tác hướng nghiệp, tư vấn nghề và giới thiệu việc làm. Đối tượng và điều kiện hỗ trợ là các đơn vị của Nhà nước có chức năng làm công tác hướng nghiệp, tư vấn học nghề và giới thiệu việc làm cho người lao động thuộc đối tượng hỗ trợ của Quỹ có tổ chức các hoạt động tổ chức hội nghị về hướng nghiệp, tư vấn nghề, giới thiệu việc làm; tổ chức ngày hội việc làm, đào tạo nghề. Mức hỗ trợ do Hội đồng Quản lý Quỹ dạy nghề và giải quyết việc làm xem xét tùy theo trường hợp cụ thể.

Điều tra khảo sát thực trạng hỗ trợ trung tâm dịch vụ việc làm công ở Hà Tĩnh với các đối tượng được khảo sát là doanh nghiệp/tổ chức cung cấp dịch vụ

việc làm (50 đối tượng); Cán bộ quản lý (50 người); Chuyên gia (20 người) và Người lao động (200 người) cho thấy kết quả điều tra hỗ trợ trung tâm dịch vụ việc làm công ở Hà Tĩnh như trình bày tại Bảng 3.

Theo kết quả khảo sát, Tỉnh Hà Tĩnh đã có những giải pháp chính sách để hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất các trung tâm dịch vụ việc làm công, tuy nhiên các giải pháp chưa đủ mạnh mẽ (điểm số là 3,73), vì vậy tiêu chí “cơ sở vật chất trung tâm dịch vụ công hiện đại và đầy đủ” chỉ được hài lòng ở mức 3,38 điểm. Các chính sách hỗ trợ khác đối với trung tâm dịch vụ công như hỗ trợ đào tạo các cán bộ hướng nghiệp, tư vấn việc làm, hỗ trợ các hoạt động tổ chức hội nghị

Bảng 3: Kết quả điều tra hỗ trợ trung tâm dịch vụ việc làm công ở Hà Tĩnh

Tiêu chí	Số quan sát				Bình quân				Bình quân chung	Độ lệch chuẩn			
	A	B	C	D	A	B	C	D		A	B	C	D
Đã có những giải pháp chính sách về hỗ trợ tích cực cho đầu tư cơ sở vật chất các trung tâm dịch vụ việc làm công	50	50	20	198	3.5	4.5	3.6	3.3	3.73	0,91	0,87	0,85	0,86
Cơ sở vật chất trung tâm dịch vụ việc làm công hiện đại và đầy đủ	50	50	20	197	3.3	4	3.2	3	3.38	0.89	0.98	0.98	0.95
Chính sách hỗ trợ (đào tạo cán bộ cung cấp dịch vụ, hỗ trợ các hoạt động cung cấp dịch vụ) đã đảm bảo cho các trung tâm nâng cao khả năng phục vụ	50	50	20	199	3	4.1	3.3	3	3.35	0.81	0.85	0.88	0.98
Khả năng phục vụ của mỗi trung tâm cao	50	50	20	199	3.2	3.8	3.1	2.8	3.23	0.91	0.95	0.94	0.96

Nguồn: Đào Quang Thắng (2016)

Bảng 4: Tác động của chính sách dịch vụ việc làm công

Chỉ tiêu	2011	2012	2013	2014	2015	Thực hiện giai đoạn 2011- 2015
Số người được tư vấn giới thiệu việc làm (người)	3.875	5.424	5.000	6.500	7.500	23.299
Trong đó số người tìm được việc làm (người)	850	1.478	1.200	1.500	1.800	6.628
Tỷ lệ người được tư vấn tìm được việc làm	21,94%	27,25%	24,00%	23,08%	24,00%	28,45%

Nguồn: Sở Lao động - Thương binh xã hội Hà Tĩnh, 2015

về hướng nghiệp, tư vấn nghề, giới thiệu việc làm; tổ chức ngày hội việc làm, đào tạo nghề được đánh giá ở mức 3.35 điểm. Vì vậy, khả năng phục vụ của các trung tâm chỉ được đánh giá ở mức 3,23 điểm.

3.3. Đánh giá tác động của chính sách dịch vụ việc làm công ở tỉnh Hà Tĩnh

Chính sách dịch vụ việc làm công ở tỉnh Hà Tĩnh đã góp phần không nhỏ vào việc thực hiện các mục tiêu chính sách việc làm nói chung của tỉnh Hà Tĩnh, thể hiện ở các chỉ tiêu sau: (1) Số người được tư vấn giới thiệu việc làm; (2) Số người tìm được việc làm; (3) Tỷ lệ người được tư vấn tìm được việc làm. Số liệu cụ thể được thể hiện ở Bảng 4.

Các hoạt động sản giao dịch việc làm trong giai đoạn 2011- 2015 đã góp phần tư vấn, giới thiệu và giải quyết việc làm được ở cả 3 cấp (tỉnh, huyện, xã) với 94 phiên giao dịch việc làm, 48 hội nghị, ngày hội việc làm, 254 hội nghị tư vấn học nghề - việc làm được tổ chức tại các huyện, xã và trường trung học phổ thông, trung học cơ sở thu hút 122.500 lượt

người tham gia, trong đó số lao động tìm kiếm được việc làm là 7.670 người (Ủy ban nhân dân Tỉnh Hà Tĩnh, 2015).

Trong giai đoạn 2011 – 2015, chính sách dịch vụ việc làm công của tỉnh Hà Tĩnh đã góp phần cùng với các chính sách việc làm khác tạo được 160.284 lượt người, bình quân gần 30.000 lượt người hàng năm, tăng 4,28% so với giai đoạn 2006 – 2010. Trong đó, số lao động được giải quyết trong nước là 124.663 lượt người (đạt 95,9%), số lao động đi làm việc ở nước ngoài là 27.585 lượt người (đạt 92%) (Ủy ban nhân dân Tỉnh Hà Tĩnh, 2015). Tốc độ tăng số lao động được giải quyết việc làm có xu hướng sáng sủa trong những năm gần đây, năm 2014 tăng so với năm 2013 là 17,64%, năm 2015 tăng so với 2014 là 4,4%, trong đó chủ yếu là số lượng lao động được tạo việc làm ở trong nước. Số lượng lao động được tạo việc làm ở nước ngoài cũng có sự cải thiện từ năm 2013 đến 2014, năm 2015 tăng so với 2014 là 9,09%.

Bảng 5: Tổ chức sản giao dịch việc làm (thuộc dự án phát triển thị trường lao động của Dự án việc làm thuộc Chương trình Mục tiêu Quốc gia Việc làm và Xuất khẩu Lao động)

Chỉ tiêu	2011	2012	2013	2014	2015	Thực hiện giai đoạn 2011- 2015
Số đơn vị tham gia	216	278	375	550	660	2.019
Số người đăng ký tìm việc làm	3.875	5.424	5.517	5.800	6.000	26.616
Số người được tuyển dụng thông qua sản giao dịch	850	1.478	1.543	1.500	1.700	7.071
Số người được đăng ký học nghề	250	250	265	305	350	1.420
Trong đó số người được tuyển học nghề	150	250	235	250	300	1185

Nguồn: Sở Lao động - Thương binh xã hội Hà Tĩnh, 2015

Bảng 6: Thực trạng số việc làm được tạo ra hàng năm

Chỉ tiêu	2011	2012	2013	2014	2015
Số lao động được tạo việc làm					
1=3+5 (lượt người)	29,134	28,500	30,150	35,469	37,031
2 Tốc độ tăng số lao động được tạo việc làm (%)		-2.18%	5.79%	17.64%	4.40%
3 Số lao động được tạo việc làm trong nước (lượt người)	23,486	23,424	24,789	29,969	31,031
4 Tốc độ tăng số lao động được tạo việc làm (%)		-0.26%	5.83%	20.90%	3.54%
5 Số lao động đi làm việc ở nước ngoài (người)	5,648	5,076	5,361	5,500	6,000
6 Tốc độ tăng số lao động đi làm việc ở nước ngoài (%)		-10.13%	5.61%	2.59%	9.09%
7 Số lao động tự làm (người)					

Nguồn: Sở Lao động – Thương binh và Xã hội Hà Tĩnh (2015)

4. Một số giải pháp chính sách đối với dịch vụ việc làm công cho người lao động ở Hà Tĩnh

Trên cơ sở phân tích, đánh giá về thực trạng chính sách dịch vụ việc làm công ở Hà Tĩnh thời gian qua có thể thấy rằng, để đảm bảo các trung tâm dịch vụ việc làm công cung cấp dịch vụ tối ưu nhất, phù hợp nhất với nhu cầu của người lao động, chính sách đối với dịch vụ việc làm công cần được ban hành một cách đầy đủ hơn. Theo đó, chính quyền Tỉnh cần có những chính sách cụ thể hơn đối với dịch vụ việc làm công như sau:

4.1. Quy định rõ mục tiêu của các trung tâm dịch vụ việc làm công

Theo đó các trung tâm dịch vụ việc làm công có hai mục tiêu, một là công bằng và thứ hai là hiệu quả cung cấp dịch vụ. Mục tiêu của cung cấp dịch vụ việc làm công là ưu tiên mục tiêu công bằng trước khi chú trọng đến mục tiêu hiệu quả dịch vụ.

Hà Tĩnh cần làm rõ định hướng phát triển cho các trung tâm dịch vụ việc làm cấp huyện, tỉnh, các trung tâm của các tổ chức đoàn thể là phát triển theo hướng là một mắt xích trong hệ thống các tổ chức triển khai chính sách việc làm của Tỉnh, không phát triển theo định hướng mục tiêu lợi nhuận.

Vì vậy, khi quy định việc cung cấp dịch vụ trong các trung tâm dịch vụ việc làm cần ưu tiên những người yếu thế - đối tượng sẽ được hưởng lợi nhiều nhất từ dịch vụ việc làm công. Các quy định ưu tiên như ưu tiên về loại hình dịch vụ theo yêu cầu, ưu tiên trong cung cấp dịch vụ, ưu tiên về chi phí dịch vụ. Tuy nhiên, những chính sách ưu tiên này cần tùy theo lịch sử của người lao động. Hệ thống lưu trữ hồ

sơ lao động sẽ là công cụ để kiểm soát số lần hỗ trợ cũng như tình trạng bỏ việc, nhảy việc của người lao động yếu thế - đó là căn cứ để xác định hình thức ưu tiên/không ưu tiên trong cung cấp dịch vụ những lần sau.

4.2. Chính sách cần làm rõ sự ưu tiên đối với những lao động thất nghiệp dài hạn trên thị trường lao động và loại hình dịch vụ cần thiết phục vụ cho nhóm đối tượng ưu tiên này

Những lao động thất nghiệp dài hạn cần được ưu tiên về dịch vụ tư vấn tìm việc làm song song với các dịch vụ đào tạo, dịch vụ tư vấn bồi dưỡng về kỹ năng để đảm bảo những tiền đề cần thiết cho tìm và duy trì việc làm.

4.3. Quy định thúc đẩy sự phát triển đa dạng hóa các loại hình dịch vụ việc làm của các trung tâm dịch vụ việc làm công

Theo đó, các dịch vụ việc làm công tại các trung tâm có thể được mở rộng để phát triển theo chính sách đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ. Ngoài một số dịch vụ việc làm truyền thống, quy định các trung tâm được đa dạng hóa sang các dịch vụ khác như dịch vụ hỗ trợ nghiên cứu nghề nghiệp cho người lao động, dịch vụ định hướng nghề nghiệp gắn với việc làm, dịch vụ đào tạo nghề; hội chợ việc làm, dịch vụ dự báo xu hướng việc làm trong các ngành kinh tế và doanh nghiệp. Các trung tâm dịch vụ việc làm có thể mở rộng sang các dịch vụ khác như kết nối giữa những lao động theo nhóm để học hỏi kỹ năng tìm việc, tìm kiếm thông tin, và học hỏi các kỹ năng chuyên môn cần thiết để tìm việc làm; cung cấp các dịch vụ hỗ trợ di chuyển khi lao động di chuyển và

có nhu cầu tìm việc làm ở các địa bàn khác.

4.4. Có chính sách hỗ trợ các tổ chức dịch vụ việc làm công

Tỉnh cũng cần ban hành chính sách về kinh phí hỗ trợ các tổ chức dịch vụ việc làm công để tiến tới có được các trung tâm việc làm công miễn phí cho người lao động.

4.5. Quy định chính sách của chính quyền Tỉnh đối với phát triển các dịch vụ việc làm tự cung cấp thông qua đầu tư các trang thiết bị để người lao động tự tìm kiếm thông tin

Có thể như đầu tư lắp đặt và phát triển mạng internet, điện thoại công cộng, bảng thông báo điện tử có tính chất công cộng để thay thế các trung tâm dịch vụ việc làm. Dịch vụ này có thể được triển khai trên nhiều địa bàn, đặc biệt là ở những địa bàn đã có kết nối mạng, những địa bàn vùng sâu xa có thể dùng hệ thống điện thoại công cộng.

4.6. Nâng cao năng lực khai thác việc làm, năng lực tư vấn thông tin, năng lực tập huấn và năng lực quản lý cho cán bộ quản lý và các cán bộ triển khai chương trình việc làm công tại các trung tâm

Giải pháp mở các lớp tập huấn về nghiệp vụ giải quyết việc làm của ngành Lao động – Thương binh xã hội; Ngân hàng Chính sách xã hội cho các cán bộ các trung tâm giới thiệu việc làm; các tổ chức đoàn thể quần chúng, lãnh đạo Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn là giải pháp ưu tiên của chính sách nâng cao năng lực; bồi dưỡng các cán bộ tư vấn việc làm về các kỹ năng gắn với nghề nghiệp mới đặc biệt là ở khu vực nông thôn.

4.7. Chú trọng xây dựng hạ tầng cơ sở cho hệ thống thông tin thị trường lao động đặc biệt tại các vùng nông thôn để gắn đào tạo nguồn nhân lực với cầu lao động một cách hiệu quả

Chính sách đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thông tin cần ưu tiên cả chính sách về cơ sở hạ tầng phần

cứng như internet, điện thoại công cộng, máy tính kết nối mạng... và đầu tư cơ sở hạ tầng phần mềm như hệ thống thông tin về thị trường lao động, hệ thống nhân lực vận hành hạ tầng thông tin. Tỉnh cũng cần có những chính sách khuyến khích doanh nghiệp, các ngành, các cơ quan thống kê cung cấp chính xác các thông tin dự báo về nhu cầu lao động có tay nghề và quan hệ cung cầu lao động trên thị trường lao động để giúp các doanh nghiệp và các trung tâm hướng nghiệp có những thông tin chính xác và tin cậy để lập kế hoạch tư vấn và đào tạo người lao động.

5. Kết luận

Xu thế cạnh tranh gay gắt trên thị trường hàng hóa dịch vụ, các doanh nghiệp sử dụng lao động ngày càng đòi hỏi về nhân lực chất lượng cao, cùng với đó là việc tạo ra chất lượng việc làm tốt hơn. Vì vậy, giải quyết việc làm trên địa bàn Hà Tĩnh cần kết hợp hài hòa việc coi trọng số lượng việc làm với nâng cao chất lượng việc làm. Ba khía cạnh quan trọng của chỉ tiêu chất lượng giải quyết việc làm, đó là các chính sách tạo đầu ra về việc làm cho người lao động trên cơ sở phát triển kinh tế, tìm thị trường xuất khẩu lao động; các chính sách đảm bảo một số đầu vào cần thiết cho người lao động có được việc làm như chính sách tín dụng tạo việc làm, đào tạo nghề, cung cấp thông tin và các chính sách kết nối cung cầu lao động như phát triển dịch vụ việc làm trong đó có dịch vụ việc làm công. Do đó, hệ thống giải pháp chính sách dịch vụ việc làm công của Tỉnh Hà Tĩnh cần có những căn cứ thực tiễn đầy đủ, đáp ứng nhu cầu, mong muốn của người lao động, và quan trọng nhất là định hướng theo kết quả việc làm. Việc ban hành bất kỳ một giải pháp nào về việc làm cần dựa trên khảo sát thực tiễn thị trường lao động, khảo sát doanh nghiệp, các tổ chức đào tạo nghề và dịch vụ việc làm.

Tài liệu tham khảo

- OECD (2000), Local Development and Job Creation, *Policy Brief*, 1-10, retrieved on February 20th 2016, from <<http://www.oecd.org/regional/leed/1918339.pdf>>
- Phan Thuy, Hansen E., Price P. (2001), *The public employment service in a changing labour market*, International Labour Office, Geneva, 87-98.
- Đào Quang Thắng (2016 - chưa công bố), *Chính sách việc làm cho người lao động ở Hà Tĩnh*, Kết quả điều tra sơ cấp, luận án tiến sĩ, Viện hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội.
- Sở Lao động – Thương binh và Xã hội Hà Tĩnh (2015), *Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch giai đoạn 2011 – 2015 và kế hoạch giai đoạn 2016 – 2020*, Hà Tĩnh.

Thủ tướng Chính phủ (2012), *Quyết định số 1786/QĐ-TTg về Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2050*, ban hành ngày 27 tháng 11 năm 2012.

Ủy ban nhân dân Tỉnh Hà Tĩnh (2011), *Quyết định số 20/2011/QĐ-UBND về quỹ hỗ trợ dạy nghề và việc làm tỉnh Hà Tĩnh*, ban hành ngày 19 tháng 7 năm 2011.

Ủy ban nhân dân Tỉnh Hà Tĩnh (2013a), *Quyết định số 18/2013/QĐ-UBND về quy định một số nội dung cụ thể của Quỹ hỗ trợ dạy nghề và việc làm tỉnh Hà Tĩnh*, ban hành ngày 25 tháng 03 năm 2013.

Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh (2013b), *Quyết định số 3125/QĐ-UBND về việc phê duyệt “Đề án Vị trí việc làm của Trung tâm Dạy nghề - hướng nghiệp và giáo dục thường xuyên cấp huyện”*, ban hành ngày 08 tháng 10 năm 2013.

Ủy ban nhân dân Tỉnh Hà Tĩnh (2013c), *Quyết định số 3178/QĐ-UBND về “Chương trình Giải quyết việc làm - xuất khẩu lao động tỉnh Hà Tĩnh”*, ban hành ngày 14 tháng 10 năm 2013.

Ủy ban nhân dân Tỉnh Hà Tĩnh (2014), *Quyết định 1890/QĐ-UBND về việc kiện toàn Trung tâm giới thiệu việc làm Hà Tĩnh thành Trung tâm dịch vụ việc làm Hà Tĩnh*, ban hành ngày 03 tháng 07 năm 2014

Ủy ban nhân dân Tỉnh Hà Tĩnh (2015), *Báo cáo sơ kết 5 năm (2010-2014) thực hiện Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn; kế hoạch giai đoạn 2015-2020*, ban hành ngày 20 tháng 03 năm 2015.